

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



MAI PHƯỚC ĐẠT

**PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM ĐẤT
VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN THANH KHÊ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

**Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Vũ Thị Duyên Thủy**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc giờ ngày tháng năm

MỤC LỤC

| | |
|---|----------|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu..... | 2 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu | 3 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu | 4 |
| 6. Những đóng góp mới của luận văn | 4 |
| 7. Cơ cấu của luận văn..... | 4 |
| Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT VÀ PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT | 6 |
| 1.1. Những vấn đề chung về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất | 6 |
| 1.1.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường đất | 6 |
| 1.1.2. Khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất..... | 6 |
| 1.2. Những vấn đề chung về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất ... | 6 |
| 1.2.1. Khái niệm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất..... | 6 |
| 1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất..... | 6 |
| 1.2.3. Các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất..... | 6 |
| 1.2.4. Các biện pháp bảo đảm thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường..... | 7 |
| Kết luận Chương 1 | 7 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI QUẬN THANH KHÊ..... | 9 |
| 2.1. Khái quát về Quận Thanh Khê Thành phố Đà Nẵng | 9 |
| 2.2. Thực trạng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất | 9 |
| 2.2.1. Các quy định chung | 9 |
| 2.2.2. Các quy định cụ thể về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất..... | 10 |
| 2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê..... | 10 |
| 2.3.1. Về việc ban hành và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê..... | 10 |
| 2.3.1.1. Những kết quả đạt được | 10 |
| 2.3.1.2. Những tồn tại, hạn chế..... | 11 |

| | |
|--|-----------|
| 2.3.2. Về thực trạng thực hiện các quy định pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê | 11 |
| 2.3.2.1. Ưu điểm..... | 11 |
| 2.3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân | 12 |
| Kết luận Chương 2 | 12 |
| Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT TỪ THỰC TIỄN QUẬN THANH KHÊ..... | 13 |
| 3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất | 13 |
| 3.1.1. Hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất phải đảm bảo phát triển bền vững, sản xuất và tiêu dùng thân thiện với môi trường | 13 |
| 3.1.2. Hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất phải đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật môi trường..... | 13 |
| 3.1.3. Hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. | 14 |
| 3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất từ thực tiễn Quận Thanh Khê | 15 |
| 3.2.1. Các giải pháp pháp lý..... | 15 |
| 3.2.2. Các giải pháp khác | 17 |
| Kết luận Chương 3 | 18 |
| KẾT LUẬN | 19 |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Cùng với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, ô nhiễm môi trường đất là một trong những vấn đề môi trường khá bức xúc ở Việt Nam hiện nay. Ở khu vực nông thôn, môi trường đất chủ yếu bị ô nhiễm do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thiếu bền vững. Hàng năm ước tính tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng trong canh tác nông nghiệp vào khoảng 2,5 - 3 triệu tấn, trong đó có đến 50 - 70% không được cây trồng sử dụng thải ra môi trường. Còn ở các vùng quanh đô thị, khu công nghiệp và làng nghề, môi trường đất cũng bị ô nhiễm do các chất thải từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt. Hiện chỉ có 60% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải. Hầu hết nước thải sinh hoạt đô thị đều không được xử lý mà xả thẳng ra môi trường nên hàm lượng kim loại nặng trong đất ở một số làng nghề đã xấp xỉ hoặc vượt tiêu chuẩn cho phép

Đặc biệt, môi trường đất ở một số nơi đang bị ô nhiễm do chất độc hóa học tồn lưu sau chiến tranh. Cụ thể như tại sân bay Đà Nẵng, Biên Hòa (Đồng Nai) và sân bay Phù Cát (Bình Định) vẫn còn tồn dư hàng trăm nghìn m³ đất và bùn bị nhiễm chất độc da cam với hàm lượng dioxin gấp hàng trăm, thậm chí hàng nghìn lần so với nồng độ cho phép, tiếp tục tác động xấu đến sức khỏe con người và môi trường tại các khu vực lân cận. Ngoài ra còn có 335 điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật trên cả nước đã được xác định, nhưng chưa giải quyết dứt điểm. Đất bị ô nhiễm trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe con người thông qua tiếp xúc trực tiếp với đất hoặc qua đường hô hấp do sự bốc hơi của chất gây ô nhiễm đất. Chẳng hạn như: Gây ra những tổn thương cho gan, thận và hệ thống thần kinh trung ương; Ảnh hưởng đến sức khỏe như nhức đầu, buồn nôn, mệt mỏi, kích ứng mắt và phát ban da; Thực vật trồng trên đất ô nhiễm sẽ bị nhiễm bệnh, con người ăn vào cũng sẽ nhiễm bệnh; Gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, các chất độc công nghiệp, thuốc trừ sâu, trừ cỏ là nguyên nhân gây bệnh ung thư, đột biến, quái thai.

Quận Thanh Khê là một Quận ven biển của Thành Phố Đà Nẵng có tốc độ phát triển kinh tế rất nóng, nguy cơ xảy ra suy thoái tài nguyên đất đã và đang diễn biến nghiêm trọng. Môi trường đất phải đối mặt với sự ô nhiễm và thoái hóa trầm trọng. Mặc dù có nhiều giải pháp được tiến hành nhưng hiệu quả thực sự không cao, còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Vì vậy, kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là vấn đề cấp bách cần được thực hiện để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người. Tuy nhiên, về phương diện pháp lý, việc kiểm soát ô nhiễm đất ở Quận Thanh Khê

còn nhiều hạn chế, cần được nghiên cứu, phát hiện và bổ sung, sửa đổi. Với lý do đó, tôi chọn “***Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm đất và thực tiễn thi hành trên địa bàn Quận Thanh Khê***” làm đề tài luận văn Thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Kiểm soát suy thoái tài nguyên đất đang là vấn đề được cả thế giới quan tâm, đặc biệt khi dân số ngày càng tăng cao thì nhu cầu về đất cũng tăng lên. Vì vậy, có một số đề tài và công trình nghiên cứu được công bố liên quan đến lĩnh vực này. Một số đề tài nghiên cứu nổi bật như: “*Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đánh giá tiềm năng đất đai nhằm góp phần sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên đất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*” của Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai, do TS. Bùi Văn Sỹ làm Chủ nhiệm; *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng quy định kỹ thuật về điều tra, đánh giá chất lượng đất phục vụ quy hoạch và sử dụng hợp lý tài nguyên đất*; của Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai, do KS. Phạm Đức Minh làm Chủ nhiệm,...

Liên quan đến bảo vệ đất và kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu của các cá nhân, tập thể đã được công bố trong thời gian qua như:

- *Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải của Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường, Cục môi trường (1998);*
- *Chất thải trong quá trình sản xuất và vấn đề bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục môi trường (2004), NXB Lao động;*
- *Vấn đề quản lý chất thải theo hướng phát triển môi trường bền vững*, của tác giả Lê Thế Giới (2007) đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ 8/2007;
- *Đánh giá một số khía cạnh kinh tế của hoạt động xử lý chất thải công nghiệp nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh* của các tác giả Lê Thanh Hải, Đỗ Thị Thu Huyền, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 2018;
- *Bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững* của tác giả Chu Thành Thái đăng trên Tạp chí bảo vệ môi trường 6/2012;

Các công trình trên chỉ đề cập chung đến quản lý chất thải để phòng ngừa và khắc phục nguy cơ ô nhiễm môi trường, trong đó có ô nhiễm môi trường đất. Vì vậy, luận văn là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên đánh giá tổng thể thực trạng thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và đề xuất các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất.

Tóm lại, cho đến nay, tại Việt Nam, chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện ở cấp độ thực tiễn về thực trạng, thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. Đề tài luận văn “*Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Thanh Khê*” về cơ bản là đề tài mới, chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, cụ thể

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật, tìm hiểu và đánh giá đúng đắn thực trạng pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. Thông qua đánh giá hiện trạng thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê, luận văn sẽ phát hiện ra được những tồn tại, bất cập, thiếu sót của trong việc ban hành và thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất.

- Thông qua đánh giá hiện trạng thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, đề tài sẽ phát hiện ra được những tồn tại, bất cập, thiếu sót của trong việc ban hành chính sách, qui định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề ra các giải pháp triển khai có hiệu quả hơn công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường đất; giúp cơ quan quản lý nhà nước có chiến lược quy hoạch, điều chỉnh chính sách, biện pháp thực thi pháp luật bảo vệ môi trường phù hợp, đảm bảo cho việc định hướng phát triển bền vững trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu những vấn đề mang tính lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê trong thời gian tới

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những quan điểm, luận điểm các văn bản pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và các báo cáo, số liệu về tình hình ô nhiễm môi trường đất cũng như thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và thực tiễn thi hành tại Quận Thanh Khê hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề mang tính lý luận về pháp luật kiểm soát ô

nhiệm môi trường đất và thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất; và nghiên cứu tình hình thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê; việc chấp hành pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất của các tổ chức, cá nhân tại Quận Thanh Khê.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền để nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu: phân tích, thống kê, tổng hợp, quy nạp. Trong đó, phân tích, thống kê, so sánh và chứng minh được xác định là những phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận văn. Cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận văn để thực hiện mục đích và nhiệm vụ của đề tài.

- Phương pháp thống kê được sử dụng để tập hợp, xử lý các tài liệu, số liệu... phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.

- Phương pháp chứng minh được sử dụng để chứng minh các luận điểm, các nhận định về thực trạng pháp luật, thi hành pháp luật và tác động của nó.

- Phương pháp tổng hợp, qui nạp được sử dụng chủ yếu trong việc đưa ra những kết luận của từng chương và kết luận chung của luận

6. Những đóng góp mới của luận văn

Cho đến nay, tại Quận Thanh Khê, chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện ở cấp độ thạc sĩ luật kinh tế về thực trạng, thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. Đề tài luận văn "*Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm đất và thực tiễn thi hành trên địa bàn Quận Thanh Khê*" về cơ bản là đề tài mới, chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, cụ thể. Đây chính là đóng góp lớn nhất của luận văn.

Những vấn đề cụ thể về lý luận, cách nhìn nhận, đánh giá luật thực định và thực tiễn, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao ý thức, chất lượng bảo vệ tài nguyên đất đai và môi trường sống tại Quận Thanh Khê là những đóng góp có giá trị đối với công tác nghiên cứu khoa học, công tác lập pháp và áp dụng pháp luật của luận văn.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1. Những vấn đề chung về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất.

Chương 2. Thực trạng pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và thực tiễn thực hiện tại Quận Thanh Khê.

Chương 3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT VÀ PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT

1.1. Những vấn đề chung về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

1.1.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường đất

1.1.2. Khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

1.2. Những vấn đề chung về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

1.2.1. Khái niệm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

1.2.3. Các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

Thứ nhất, khi xây dựng các nội dung trong pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất gây ra cần đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành, được quyền sống trong một môi trường không bị ô nhiễm, đảm bảo cuộc sống được hài hòa với thiên nhiên.

Thứ hai, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất ở Việt Nam phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng các yêu cầu về phát triển bền vững.

Thứ ba, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm môi trường đất có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

Thứ tư, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất gây ra phải chú ý đến yếu tố phòng ngừa, tức là chủ động ngăn chặn rủi ro, mà các chủ thể có thể gây ra cho môi trường đất.

Thứ tư, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất gây ra phải chú ý thực hiện nguyên tắc ai gây ô nhiễm, người đó phải trả tiền, phải khắc phục ô nhiễm, có nghĩa là chủ thể gây hậu quả, tác động xấu đến môi trường, thì phải trả tiền để mua quyền khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

Thứ năm, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất gây ra phải rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu cho mọi chủ thể (Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cộng đồng dân cư, các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân...) tại các khu vực biết.

Thứ sáu, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất phải mang tính ổn định và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.

1.2.4. Các biện pháp bảo đảm thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi đất

Mục đích cơ bản của pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Mục đích này chỉ đạt được khi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất được xây dựng kèm theo các biện pháp bảo đảm thực thi chúng trên thực tế. Có thể kể đến một số biện pháp chủ yếu sau đây:

Một là: Bảo đảm thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất bằng hệ thống cơ quan nhà nước được tổ chức theo phương thức và với thẩm quyền thích hợp.

Hai là: Bảo đảm thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất bằng các biện pháp kích thích kinh tế nhằm quản lý và giảm thiểu chất thải, ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường đất.

Ba là: Bảo đảm thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất bằng các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật.

Để đảm bảo thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, việc áp dụng đúng và hiệu quả các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật có ý nghĩa quan trọng. Các biện pháp này không chỉ nhằm giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn việc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà còn để trừng trị các hành vi vi phạm pháp luật, qua đó đảm bảo việc thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật.

Kết luận Chương 1

Đất là hệ sinh thái đa dạng, có vai trò to lớn trong sự phát triển của xã hội loài người như đóng góp vào sự phát triển kinh tế, góp phần bảo vệ môi trường, phục vụ nghiên cứu khoa học và là nơi lưu giữ các giá trị xã hội của con người. Tuy nhiên, môi trường đất đang bị ô nhiễm do nhiều nguyên nhân khác nhau cho nên kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là góp phần đảm bảo cho sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái của con người. Đó là toàn bộ các hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện việc quản lý, khai thác, bảo vệ, phát triển đất và sử dụng đất nhằm phòng ngừa, kiểm tra, ngăn chặn và cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường đất, đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ sinh thái đất trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất được xây dựng và ban hành nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, cải thiện tình trạng ô nhiễm đất,

góp phần bảo vệ sự bền vững của hệ sinh thái đất. Ba nguyên tắc cơ bản trong pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là: đảm bảo sự phát triển bền vững, nguyên tắc phối hợp, liên kết; đảm bảo tính thống nhất và coi trọng công tác phòng ngừa. Đảm bảo các nguyên tắc này, những vấn đề về xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất; về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đối với khu vực bị ô nhiễm hóa chất độc hại sử dụng trong chiến tranh, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các chất độc hại khác hay trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất của các cơ quan nhà nước cần được điều chỉnh kịp thời.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI QUẬN THANH KHÊ

2.1. Khái quát về Quận Thanh Khê Thành phố Đà Nẵng

Về vị trí địa lý, Quận Thanh Khê nằm trung tâm về phía Tây Bắc thành phố Đà Nẵng. Diện tích tự nhiên 9,47 km² (chiếm 4,5% diện tích toàn thành phố Đà Nẵng). Ranh giới tự nhiên như sau: phía Đông: Giáp quận Hải Châu; phía Tây: Giáp quận Cẩm Lệ và quận Liên Chiểu; phía Nam: Giáp quận Cẩm Lệ; phía Bắc: Giáp vịnh Đà Nẵng với đường bờ biển dài 4,287km.

Quận Thanh Khê có 10 phường, bao gồm: An Khê, Hoà Khê, Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây, Xuân Hà, Tam Thuận, Tân Chính, Chính Gián, Thạc Gián, Vĩnh Trung. Nằm trên trục giao thông xuyên quốc gia về đường bộ, đường sắt và đường không, quận Thanh Khê giữ vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh và có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2. Thực trạng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

Một số văn bản pháp luật chính điều chỉnh về vấn đề này là: Luật Bảo vệ môi trường (2014); Luật Đất đai (2013); Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định 18/2015 NĐ-CP quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ - CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu; Quyết định số 1206/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2010-2015; Quyết định số 166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030...

2.2.1. Các quy định chung

Trong hoạt động xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất, cần lưu ý một số vấn đề sau để đảm bảo chất lượng của việc xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất:

Một là, điều tra xác định nguồn gây ô nhiễm, tác nhân gây ô nhiễm, hướng lan tỏa ô nhiễm và các yếu tố địa hình, địa vật có liên quan, gồm:

Hai là, xử lý thống kê: căn cứ theo lượng mẫu và nội dung của báo cáo, việc xử lý thống kê có thể sử dụng các phương pháp và các phần mềm khác nhau nhưng phải có các thống kê miêu tả tối thiểu (giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất, giá trị trung bình, số giá trị vượt chuẩn...).

Ba là, đánh giá số liệu: việc đánh giá số liệu phải được thực hiện trên cơ sở kết quả quan trắc, phân tích đã xử lý, kiểm tra và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Sau khi kết thúc chương trình quan trắc, báo cáo kết quả quan trắc phải được lập và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2.2.2. Các quy định cụ thể về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

Thứ nhất, các quy định về theo dõi, giám sát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất

Thứ hai, các quy định về xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất

Thứ ba, các quy định về quản lý chất lượng môi trường đất

Thứ tư, các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đối với khu vực bị ô nhiễm hóa chất độc hại sử dụng trong chiến tranh, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các chất độc hại khác

Thứ năm, các quy định về trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất của các cơ quan Nhà nước

2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê

2.3.1. Về việc ban hành và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê

2.3.1.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, cụ thể hóa và thực hiện các quy định của pháp luật về xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

Thứ hai, triển khai hướng dẫn thực hiện Đề án của thành phố Đà Nẵng bằng việc ban hành nghị quyết số 04 năm 2016 về việc Đề án về kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn quận Thanh Khê.

Thứ ba, cụ thể hóa và thực hiện các quy định về việc kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Thứ tư, cụ thể hóa và thực hiện quy định các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở, đất thương mại phải thực hiện việc đánh giá chất lượng môi trường đất;

công bố thông tin giữa các đối tượng sử dụng đất.

Thứ năm, cụ thể hóa và thực hiện quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đối với khu vực ô nhiễm hóa chất độc hại.

Thứ sáu, cụ thể hóa và thực hiện quy định về trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất của các cơ quan nhà nước.

2.3.1.2. Những tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, hiện nay các quy định về trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại quận vẫn còn sự chồng chéo và không rõ ràng giữa các bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

Thứ hai, việc phối kết hợp giữa các bộ, ngành trong quá trình thực thi các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất do các hoạt động cơ sở sản xuất kinh doanh gây ra quận Thanh Khê vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế.

Thứ ba, số lượng cán bộ tham gia vào công tác quản lý môi trường đất trên phạm vi quận vừa thừa vừa thiếu.

Thứ tư, việc tổ chức triển khai các giải pháp đồng bộ để quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường đất, tập trung chưa ưu tiên kiểm soát các nguồn ô nhiễm đất lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

Thứ năm, chưa thực hiện các biện pháp tổng hợp, đồng bộ tổ chức thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường đất ...

Thứ sáu, quận chưa có thẩm quyền xây dựng cơ chế xử phạt và khuyến khích những điển hình người lãnh đạo cơ sở gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm đền bù cho tác hại gây ô nhiễm của cơ sở mình; cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện ô nhiễm đất, đồng thời nêu gương các doanh nghiệp tốt trong kiểm soát ô nhiễm đất.

2.3.2. Về thực trạng thực hiện các quy định pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Quận Thanh Khê

2.3.2.1. Ưu điểm

Thứ nhất, hằng năm, ngân sách thành phố bố trí chi thường xuyên cho sự nghiệp bảo vệ môi trường không dưới 1% (một phần trăm) tổng chi ngân sách thành phố và tăng dần tỉ lệ này theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố.

Thứ hai, quận Thanh Khê đã tập trung việc thanh tra, kiểm tra môi trường

Thứ ba, Ủy ban nhân dân cấp quận Thanh Khê quy định trách nhiệm chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất trên địa bàn quản lý

Thứ tư, quận Thanh Khê không thực hiện cấp giấy phép đăng ký kinh doanh mới trong khu dân cư để hạn chế ô nhiễm môi trường đất theo quy định tại Quyết định số 23 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2.3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, quy định trách nhiệm thực hiện quan trắc môi trường, lưu trữ số liệu của quận chưa rõ ràng.

Thứ hai, công bố, cung cấp thông tin về môi trường còn chưa kịp thời.

Thứ ba, việc quản lý môi trường đô thị chưa rõ ràng, lúng túng.

Thứ tư, việc khuyến khích việc thành lập các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường đất tại các khu dân cư chưa đi vào chiều sâu.

Kết luận Chương 2

Để đáp ứng yêu cầu kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá này, khá nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành ở Việt Nam. Các văn bản này đã thực sự trở thành công cụ hữu hiệu của nhà nước trong việc kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất cũng như thực hiện các hoạt động phục hồi, cải tạo tình trạng ô nhiễm môi trường đất. Thực hiện quy định tại các văn bản pháp luật này, nhiều hoạt động kiểm soát ô nhiễm đất đã được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước bởi các tổ chức cá nhân và cả các cơ quan nhà nước.

Tuy vậy, các quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Đó là tình trạng: Thiếu các quy định pháp luật về trách nhiệm của các chủ thể có liên quan sau xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu; Thiếu quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường; Thiếu quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc xử lý ô nhiễm môi trường đất do hóa chất độc hại; Chưa có sự thống nhất trong việc phân công trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với xử lý ô nhiễm môi trường đất do hóa chất độc hại; Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm phục hồi môi trường đất tại các điểm ô nhiễm đất do hóa chất độc hại... Những hạn chế này làm ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả điều chỉnh pháp luật cũng như hiệu quả kiểm soát ô nhiễm môi trường đất trên thực tế. Chúng cần được bổ sung, hoàn thiện kịp thời để đáp ứng những đòi hỏi bức xúc của thực tiễn kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Việt Nam nói chung và Quận Thanh Khê trong thời gian tới.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT TỪ THỰC TIỄN QUẬN THANH KHÊ

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất phải đảm bảo phát triển bền vững, sản xuất và tiêu dùng thân thiện với môi trường

Đánh giá về thành tựu gần 30 năm đổi mới của Việt Nam đã cho thấy những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh, xã hội. Môi trường thiên nhiên ở nhiều nơi bị phá hoại nghiêm trọng, ô nhiễm và suy thoái đến mức báo động.

Do đó, để đảm bảo phát triển bền vững, việc hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất ở Việt Nam cần đáp ứng các yêu cầu sau:

Một là, đảm bảo chặt chẽ ngay từ khâu xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội sao cho ngay từ khâu lập quy hoạch, từ chủ trương đầu tư, từ đánh giá tác động môi trường phải thật chặt các yêu cầu bảo vệ môi trường trong công tác này. Bởi lẽ, nếu các yêu cầu bảo vệ môi trường được thắt chặt ngay từ khâu thẩm định dự án, thì sau khi các dự án đi vào hoạt động các yếu tố sản xuất sạch hơn, sản xuất công nghiệp gắn với phát triển bền vững mới có khả năng thực thi được.

Hai là, đảm bảo sự phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ được thực hiện trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế, xã hội, đề cao việc phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ các thành tố môi trường cũng như ứng phó sự cố môi trường. Để làm được như vậy phải đảm bảo đồng thời lợi ích của các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ với lợi ích của xã hội, lợi ích công cộng. Đồng thời cần kịp phải xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về sử dụng các công cụ kinh tế đối với chất thải, xây dựng thành công các chương trình quốc gia về sản xuất, tiêu dùng bền vững, các chương trình sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát sinh chất thải góp phần giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất phải đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật môi trường

Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là một bộ phận của pháp luật bảo vệ môi trường. Vì thế, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi

trường đất luôn phải đảm bảo sự thống nhất với pháp luật bảo vệ môi trường và hệ thống pháp luật nói chung. Bởi lẽ hệ thống chính sách và pháp luật bảo vệ môi trường, hệ thống pháp luật nói chung tạo ra khuôn khổ pháp lý hướng dẫn các hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân.

Nếu pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất thiếu đi sự đồng bộ với các quy định khác của pháp luật môi trường sẽ dẫn đến khả năng thực thi và hiệu quả thực thi không đạt kết quả cao hoặc chính sự thiếu đồng bộ trong hệ thống chính sách và pháp luật, thiếu kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực môi trường sẽ là kẽ hở cho cá nhân, tổ chức hoạt động, sản xuất, kinh doanh chỉ chú ý tìm kiếm lợi nhuận cho riêng mình mà quên mất lợi ích lâu dài của quốc gia, của xã hội.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường.

Khu vực hóa, toàn cầu hóa là xu thế tất yếu cho sự tồn tại và phát triển các quốc gia hiện nay. Nó tạo nên mối quan hệ gắn bó, phụ thuộc và tác động qua lại lẫn nhau giữa các quốc gia trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường... thông qua việc ký kết các điều ước quốc tế, các hiệp định song phương, đa phương. Cùng với việc tham gia các Hội nghị quốc tế về bảo vệ môi trường, Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều Công ước quốc tế về môi trường (Công ước Basel, Công ước Stockholm...)

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy hơn nữa hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này, việc hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất cần đảm bảo các vấn đề cơ bản sau:

Một là, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia và mở rộng các quan hệ thương mại quốc tế.

Hai là, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tận dụng những lợi thế của sự phát triển mạnh mẽ về khoa học kỹ thuật và công nghệ trong bối cảnh mở rộng tự do hóa thương mại. Làm được như vậy là thúc đẩy phát triển những ngành công nghiệp tiên tiến áp dụng công nghệ kỹ thuật cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch thân thiện với môi trường.

Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất cần đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có thể tiếp cận và ứng dụng những loại hình công nghệ này, thông qua đó giảm thiểu chất thải và giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất cũng như tiếp cận với công nghệ hiện đại để cải tạo, phục hồi các vùng đất bị ô nhiễm.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất từ thực tiễn Quận Thanh Khê

3.2.1. Các giải pháp pháp lý

Về phương diện khoa học pháp lý, trong điều kiện hiện tại của Việt Nam, các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất cần phải thực hiện là:

** Lồng ghép nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường vào quy hoạch đất đai.*

** Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về quản lý thuốc bảo vệ thực vật nhằm ngăn ngừa nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất*

Thứ nhất, cần ban hành một số quy định cụ thể về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm:

- Ban hành quy định cụ thể về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

- Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về bao gói thuốc bảo vệ thực vật và bổ sung quy định về quy cách, vật liệu và các yêu cầu kiểm tra, kiểm định bao gói thuốc bảo vệ thực vật để đảm bảo các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật không được bao gói đúng kỹ thuật sẽ được ngăn ngừa một cách hiệu quả.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung một số quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Theo đó, cần sớm bổ sung quy định hướng dẫn về phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; trách nhiệm hướng dẫn cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bảo đảm an toàn cho người, cây trồng, vật nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường là giải pháp cần thiết để khắc phục hạn chế này.

Thứ ba, ban hành quy định hướng dẫn thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Theo đó, cần quy định rõ các vấn đề sau:

- Cách thức thải bỏ thuốc/bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

- Các phương thức tiêu hủy thuốc/bao bì thuốc bảo vệ thực vật có thể áp dụng;

- Trách nhiệm cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý có liên quan trong việc tiêu hủy thuốc/bao gói thuốc bảo vệ thực vật; trách nhiệm tổ chức xử lý và kiểm tra giám sát việc xử lý thuốc/bao bì thuốc bảo vệ thực vật...

** Hoàn thiện các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đối với khu vực ô nhiễm hóa chất độc hại.*

Để đi đến các giải pháp chung thống nhất cho việc xử lý triệt để các điểm tồn lưu hóa chất BVTV trên phạm vi cả nước, cần thống nhất một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, về thuốc BVTV tồn lưu và dư lượng thuốc BVTV tồn lưu.

Thuốc BVTV tồn lưu là chất thải nguy hại nên phải được xử lý theo quy định chung về chất thải nguy hại. Còn dư lượng thuốc BVTV tồn dư trong đất thì không nên hiểu nó cần được xử lý như chất thải nguy hại.

Thứ hai, về xử lý thuốc BVTV tồn lưu và cải tạo, phục hồi môi trường tại các điểm tồn lưu thuốc BVTV.

Theo cách tiếp cận tại các văn bản pháp luật hiện hành, xử lý thuốc BVTV tồn lưu và phục hồi ô nhiễm môi trường tại các điểm tồn lưu thuốc BVTV là hai vấn đề khá độc lập.

Thứ ba, về việc ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV tồn lưu.

Việc ban hành các văn bản pháp luật này sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc triển khai xử lý ô nhiễm môi trường tại các điểm tồn lưu thuốc BVTV trên phạm vi cả nước.

Tất cả những sửa đổi, bổ sung nêu trên có thể được giải quyết thông qua việc xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV tồn lưu. Thông tư này cần quy định cụ thể một số vấn đề sau:

+ Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV tồn lưu

+ Quy trình kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV tồn lưu (các bước xác định các điểm tồn lưu, xác định mức độ ô nhiễm, cách thức kiểm soát và ngăn ngừa nguy cơ gia tăng mức độ ô nhiễm, xử lý ô nhiễm...)

+ Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động điều tra, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm tồn lưu.

+ Trách nhiệm sau xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV tồn lưu

+ Nguồn kinh phí cho xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV tồn lưu

** Sửa đổi, bổ sung các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường đất do hoạt động khai thác khoáng sản.*

** Hoàn thiện các quy định pháp luật về phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong kiểm soát ô nhiễm môi trường đất*

3.2.2. Các giải pháp khác

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật BVMT trong quá trình sử dụng đất cho nhân dân, tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn cách bảo vệ đất trong sản xuất, kinh doanh đem lại giá trị kinh tế và BVMT, trao đổi với nhân dân về tác hại của việc sử dụng, sản xuất không đúng cách..., qua đó, từng bước nâng cao nhận thức của người dân trong việc BVMT đất. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người tiêu dùng, hướng họ đến thói quen sử dụng “nông sản sạch” cũng là yếu tố quan trọng để hỗ trợ, thúc đẩy người nông dân phát triển một nền nông nghiệp bền vững gắn liền với việc bảo vệ đất.

Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và thống nhất hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, tổ chức và cá nhân; tăng cường giám sát cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường đất và công tác đấu tranh đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Thông báo kết quả thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm xã hội của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

Thứ hai, đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật BVMT trong quá trình sử dụng đất. Hoạt động thanh tra, kiểm tra cần phải được quy định rõ về chức năng, thẩm quyền, đồng thời, các quy định về vi phạm hành chính về lĩnh vực BVMT cũng cần phải bám sát với thực tiễn, phù hợp với trình độ phát triển về kinh tế, kỹ thuật khu vực đô thị để việc xử lý có thể dễ dàng triển khai và đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với người vi phạm.

Thứ ba, xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và bài học kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới, cần xây dựng những chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể để khuyến khích người dân BVMT trong quá trình sử dụng đất. Ví dụ, tại Nhật Bản, chính phủ thực hiện việc hỗ trợ trực tiếp cho người dân với mức hỗ trợ tùy thuộc vào việc giảm thiểu lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình canh tác. Hoặc tại Hàn Quốc, chính phủ cũng chi trả trực tiếp dưới dạng bù đắp những chi phí cho hoạt động mà người nông dân tiến hành nhằm BVMT trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, hoàn thiện quy định về quản lý chất thải. Cần phải xây dựng khung pháp lý đầy đủ cho vấn đề quản lý chất thải, trong đó có quản lý chất thải nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Quản lý chất thải cần đề

cao các biện pháp giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải và gắn chúng với các biện pháp hỗ trợ cần thiết về tài chính, kỹ thuật cũng như chế tài nghiêm minh xử lý vi phạm.

Kết luận Chương 3

Trong những năm qua, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Việt Nam không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn quản lý môi trường nói chung và kiểm soát ô nhiễm đất nói riêng. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định tồn tại trong các quy định pháp luật hiện hành làm giảm hiệu quả điều chỉnh của chúng trên thực tiễn.

Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Việt Nam cần được hoàn thiện theo hướng đảm bảo phù hợp với quan điểm phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng thân thiện với môi trường; đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường.

Việc sớm thực hiện một số giải pháp như: Hoàn thiện các quy định pháp luật về phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong kiểm soát ô nhiễm môi trường đất; Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về quản lý thuốc bảo vệ thực vật nhằm ngăn ngừa nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất hay lồng ghép nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường đất vào nội dung quy hoạch đất đai... sẽ giúp Việt Nam nâng cao được hiệu quả kiểm soát ô nhiễm đất bằng pháp luật trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Môi trường đất là nơi trú ngụ của con người và hầu hết các sinh vật cạn, là nền móng cho các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và văn hóa của con người. Đất là một nguồn tài nguyên quý giá, con người sử dụng tài nguyên đất vào hoạt động sản xuất nông nghiệp để đảm bảo nguồn cung cấp lương thực thực phẩm cho con người. Nhưng với nhịp độ gia tăng dân số và tốc độ phát triển công nghiệp và hoạt động đô thị hoá như hiện nay thì diện tích đất canh tác ngày càng bị thu hẹp, chất lượng đất ngày càng bị suy thoái, diện tích đất bình quân đầu người giảm. Hiện nay, cùng với ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí thì ô nhiễm đất đai đang trở nên đáng báo động. Ô nhiễm đất làm ảnh hưởng xấu đến các tính chất của đất, làm giảm năng suất cây trồng và làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người.

Ô nhiễm môi trường đất hiện nay đang là vấn đề được quan tâm bởi những tác hại to lớn của nó đối với con người và các loài sinh vật. Với sự tác động qua lại lẫn nhau, ô nhiễm đất cùng với ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, ... đang tàn phá chính cuộc sống của chúng ta. Nguyên nhân của ô nhiễm đất đến từ chính hoạt động sinh hoạt của con người, các phân dược hóa học trong nông nghiệp và chiến tranh, cùng với đó đất cũng là một yếu tố của môi trường nên chịu tác động qua lại của các nguồn ô nhiễm khác như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước... Sự tác động qua lại này làm cho ô nhiễm đất ngày càng nghiêm trọng. Bên cạnh các biện pháp khắc phục thì kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là vấn đề cấp thiết, quá trình kiểm soát này chỉ có thể thực hiện được khi có cơ chế pháp luật hiệu quả. Vì vậy, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là một trong những biện pháp bền vững để bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung.

Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất là một bộ phận của pháp luật môi trường, bao gồm các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh những mối quan hệ phát sinh trong quá trình con người tiến hành các hoạt động liên quan đến môi trường đất nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đất. Để đáp ứng yêu cầu kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, khá nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành ở Việt Nam. Các văn bản này đã thực sự trở thành công cụ hữu hiệu của nhà nước trong việc kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất cũng như thực hiện các hoạt động phục hồi, cải tạo tình trạng ô nhiễm môi trường đất. Tuy vậy, các quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Việt Nam vẫn còn

tồn tại một số hạn chế. Những hạn chế này làm ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả điều chỉnh pháp luật cũng như hiệu quả kiểm soát ô nhiễm môi trường đất trên thực tế. Chúng cần được bổ sung, hoàn thiện kịp thời để đáp ứng những đòi hỏi bức xúc của thực tiễn kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại Việt Nam nói chung và Quận Thanh Khê nói riêng trong thời gian tới.